



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
SÀI GÒN - TNHH MTV

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	15 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty là công ty Nhà nước được thành lập bởi Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010. Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300713668, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng công ty được chuyển đổi từ Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 8 năm 2006.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 58 – 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (028) 38 255 999
- Fax : +84 (028) 38 255 858

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Thuốc lá Bến Thành	Lô 28, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Cơ khí CNS	Lô C26, Đường số 16, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy CNS Thạnh Phát	Lô C26, Đường số 16, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội	Lô 26, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại thuốc lá, trồng và mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá;
- Sản xuất các sản phẩm bao bì, giấy nhãn, thùng hộp, các loại sản phẩm cơ khí, điện, điện tử, tin học, sản phẩm bằng cao su, nhựa, nguyên vật liệu, hóa chất ngành cao su – nhựa, hóa chất, bột màu công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu công nghệ mới, in bao bì;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, nghiên cứu chuyển giao công nghệ;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị và công trình ngành thuốc lá, công – nông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trường học, bến tàu, cầu cảng;
- Kinh doanh nhà ở, kho bãi, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại.

Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

130
C
HIỆ
THAI
TP.

M.S
Q.T

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MTV
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Phi Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Phương Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Lê Trúc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Minh Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hoàng Thị Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Lê Bình Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2021
Bà Phạm Tấn Hạnh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phương Đông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Lê Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2021
Ông Vũ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Huỳnh Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Ông Huỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phương Đông – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MTV
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Phương Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0823/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 470/2018/DS-PT là bản án đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo đó, Tổng công ty với tư cách là bên liên quan và phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư DDA với số tiền nợ gốc là 54.945.465.052 VND và tiền lãi đến ngày 25 tháng 01 năm 2018 với số tiền là 71.703.831.892 VND. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Cục thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh đã khấu trừ tổng số tiền là 181.497.176.726 VND trong tài khoản của Tổng công ty để thi hành bản án trên. Tổng công ty ghi nhận số tiền bị thu để thi hành án vào chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán và Tổng công ty đang đợi ý kiến của chủ sở hữu để có phương án xử lý. Do đó chúng tôi chưa thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán và các ảnh hưởng nếu có đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hay không.

Theo biên bản đối chiếu công nợ giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Amura Precision cho số dư khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2024</u>	<u>Tại ngày 31/12/2023</u>
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	275.316.440.699	271.964.318.651
Công ty TNHH Amura Precision	339.022.286.266	318.638.803.558
Chênh lệch	(63.705.845.567)	(46.674.484.907)

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ hồ sơ để đánh giá nguyên nhân chênh lệch, vì vậy chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán và các ảnh hưởng nếu có đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hay không.

Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận sau thuế giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương về Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại 131 Lê Lợi, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.5a), Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương là bên ghi chép kế toán toàn bộ giao dịch liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được báo cáo kế toán ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của hoạt động hợp tác kinh doanh này. Do đó, chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá kết quả kinh doanh của hoạt động đầu tư làm cơ sở xác định lãi (lỗ) tương ứng với phần vốn góp của Tổng công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các công ty con, công ty liên kết dưới đây:

Tên công ty	Giá gốc khoản đầu tư (VND)
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	19.193.594.185
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt – Nga	2.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn	19.752.000.000
Cộng	40.995.594.185

Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chúng tôi có thể đánh giá liệu rằng các khoản đầu tư này có bị suy giảm giá trị so với giá gốc đầu tư hay không, vì vậy chúng tôi không trình bày ý kiến của mình về những ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính.

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty vào ngày 10 tháng 12 năm 2024 do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do số dư hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với lợi nhuận cho năm tài chính được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

36
C
H
I
E
P
H
I
E
M
T
H
A
N
H
P.
H
S
C
G
H
A
T
A
H
H

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh Báo cáo tài chính (VII.4), năm 2021 Tổng công ty đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến việc thành lập và giải thể Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Hoa Mai (là công ty được thành lập theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/2015/HĐHTĐT ngày 06 tháng 11 năm 2015 giữa Tổng công ty và Tập đoàn Vingroup, sau đây gọi tắt là “Công ty Hoa Mai”), bao gồm việc góp vốn và thu hồi toàn bộ vốn góp vào Công ty Hoa Mai. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, các thủ tục giải thể Công ty Hoa Mai chưa hoàn tất, vì vậy về mặt hình thức pháp lý Tổng công ty vẫn là thành viên góp vốn của Công ty Hoa Mai. Tổng công ty cần phối hợp với Công ty Hoa Mai để hoàn tất các thủ tục giải thể, tránh các ảnh hưởng pháp lý (nếu có) do chưa hoàn tất việc giải thể này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 3 năm 2024. Các ngoại trừ liên quan đến:

- Chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ phải trả cũng như chưa thực hiện ước tính các ảnh hưởng từ nghĩa vụ của Bản án phúc thẩm số 470/2018/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chỉ đang ghi nhận số tiền bị thu để thi hành án vào chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán với số tiền 181.497.176.726 VND.
- Số dư công nợ phải thu Công ty TNHH Amura Precision tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên sổ sách của Tổng công ty với số nợ mà Công ty TNHH Amura Precision xác nhận có chênh lệch 46.683.484.907 VND nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ để đánh giá nguyên nhân chênh lệch vì vậy không xác định các ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.
- Không có đủ thông tin để đánh giá kết quả kinh doanh của hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận sau thuế giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương, làm cơ sở xác định lãi (lỗ) tương ứng với phần vốn góp của Tổng công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu các khoản đầu tư sau đây có bị suy giảm giá trị so với giá gốc đầu tư hay không, vì vậy không trình bày ý kiến về những ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính.

Tên công ty

Tên công ty	Giá gốc khoản đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà	14.400.000.000
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	19.193.594.185
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Hữu Nghị	34.293.540.000
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt – Nga	2.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn	19.752.000.000
Cộng	89.689.134.185

- Chưa được cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến khoản chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi nhận tại Tổng công ty với số tiền 62.100.436.491 VND và vốn chủ sở hữu ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 53.720.000.000 VND, vì vậy chưa thể đánh giá sự ảnh hưởng của chênh lệch này đến Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vương

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Thu Cúc

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5450-2021-008-1

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.398.820.589.114	3.382.792.121.847
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	918.082.842.861	1.551.749.614.438
1. Tiền	111		818.082.842.861	1.551.749.614.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	600.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		771.004.829.623	732.034.036.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	74.728.936.028	53.357.657.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.573.727.249	3.294.760.288
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	721.526.199.293	706.970.003.442
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(28.048.411.661)	(31.781.156.650)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		224.378.714	192.771.836
IV. Hàng tồn kho	140		1.083.970.761.915	1.072.923.757.267
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.083.970.761.915	1.072.923.757.267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.762.154.715	26.084.713.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	763.387.443	2.361.461.735
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.097.935.091	16.945.712.761
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	8.900.832.181	6.777.538.750
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.316.258.939.797	1.328.007.533.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.210.000	19.210.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	19.210.000	19.210.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		292.917.872.167	329.324.024.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	292.534.823.412	328.653.876.097
- Nguyên giá	222		1.195.062.898.972	1.194.049.915.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(902.528.075.560)	(865.396.039.455)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	383.048.755	670.148.755
- Nguyên giá	228		7.117.565.051	7.117.565.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.734.516.296)	(6.447.416.296)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		209.790.966.653	191.174.840.904
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	209.790.966.653	191.174.840.904
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		734.620.507.141	726.629.807.814
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	636.466.389.222	636.466.389.222
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	326.737.964.555	326.737.964.555
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	105.243.075.300	105.243.075.300
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(333.826.921.936)	(341.817.621.263)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.910.383.836	80.859.650.062
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	78.910.383.836	80.859.650.062
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.715.079.528.911	4.710.799.655.479

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.835.493.522.165	1.580.352.359.687
I. Nợ ngắn hạn	310		1.526.505.770.324	1.287.008.357.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	384.820.740.924	370.720.498.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		117.073.385	172.217.440
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	731.683.902.743	565.687.907.113
4. Phải trả người lao động	314		56.209.744.738	81.889.666.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.121.151.910	1.066.532.189
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	90.156.444.480	44.123.492.589
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	19.752.000.000	19.752.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	241.644.712.144	203.596.042.918
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		308.987.751.841	293.344.002.400
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	308.987.751.841	293.344.002.400

17/11/2024



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

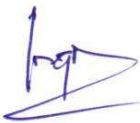
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.879.586.006.746	3.130.447.295.792
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.840.659.777.682	3.091.521.066.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	2.608.462.000.000	2.608.462.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	232.189.769.055	483.051.058.101
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.19	8.008.627	8.008.627
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		38.926.229.064	38.926.229.064
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	38.926.229.064	38.926.229.064
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.715.079.528.911	4.710.799.655.479

3668 - C
CÔNG TY
HIỆP SÀI GÒN
NHIỆM HỮU HẠN
HÀNH VIÊN
P. HỒ CHÍ MINH

030
TRÁC
KIỂM
BIA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Phạm Phương Nam
Người lập



Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Đông
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

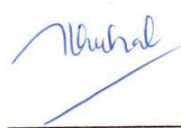
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.304.410.655.820	4.104.786.801.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.304.410.655.820	4.104.786.801.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.709.372.903.055	3.386.230.296.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		595.037.752.765	718.556.504.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	103.314.358.270	93.274.773.272
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.533.906.152	11.849.676.688
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		1.257.718.570	1.697.306.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	245.261.711.435	328.079.834.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		446.298.774.878	470.204.459.539
11. Thu nhập khác	31	VI.6	57.931.479	34.018.277.633
12. Chi phí khác	32		586.223.284	190.401.320
13. Lợi nhuận khác	40		(528.291.805)	33.827.876.313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		445.770.483.073	504.032.335.852
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	72.700.785.824	94.332.890.757
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>373.069.697.249</u>	<u>409.699.445.095</u>


Phạm Phương Nam
Người lập


Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025




Nguyễn Phương Đông
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.054.647.443.306	3.889.055.476.808
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.358.916.967.694)	(3.105.587.979.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(248.792.376.946)	(258.076.446.265)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(91.892.808.399)	(34.900.306.063)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.754.022.262.456	2.697.528.164.896
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.650.914.782.715)	(2.998.603.750.668)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		458.152.770.008	189.415.158.954
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(20.425.206.126)	(5.963.804.985)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	688.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(600.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5a	500.000.000	600.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.297.186.151	80.242.049.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(502.628.019.975)	674.966.244.868

3302
TỔ
CÔNG
TRÁC
M
QUẢN

)

5-C

TY
HỮU
Ả TU
C

HỒ

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13, 19	(589.238.299.370)	(98.753.603.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(589.238.299.370)	(98.753.603.613)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(633.713.549.337)	765.627.800.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.551.749.614.438	786.255.295.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.777.760	(133.480.964)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	918.082.842.861	1.551.749.614.438

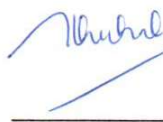
1366
 CÔNG
 NGHIỆP
 TRÁCH
 NHIỆM
 HỮU HẠN
 TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Phạm Phương Nam
 Người lập



Phạm Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



M.S.D.N: 0300713668
 T. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Phương Đông
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Tổng công ty 100% vốn Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại thuốc lá, trồng và mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá;
- Sản xuất và các sản phẩm bao bì, giấy nhẵn, thùng hộp, các loại sản phẩm cơ khí, điện, điện tử, tin học, sản phẩm bằng cao su, nhựa, nguyên vật liệu, hóa chất ngành cao su – nhựa, hóa chất, bột màu công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu công nghệ mới, in bao bì;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, nghiên cứu chuyển giao công nghệ;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị và công trình ngành thuốc lá, công – nông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trường học, bến tàu, cầu cảng;
- Kinh doanh nhà ở, kho bãi, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng công ty

Tại thời điểm cuối năm, Tổng công ty có 6 công ty con và 7 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Tổng công ty có 6 công ty con và 7 công ty liên doanh, liên kết).

5a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	06 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng công trình công nghiệp	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	97-101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, khai thác hạ tầng kỹ thuật viễn thông	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH CNS Amura Precision	Lô I-10-1, Đường D2, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công, sản xuất cơ khí	97,35%	97,35%	97,35%
Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị	357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán phụ tùng	87,26%	87,26%	87,26%
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Thông tin TP. Hồ Chí Minh	Tòa nhà QTSC Building 1, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin	80,65%	80,65%	80,65%

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	780A Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	45A Nguyễn Văn Bá, Khu phố 3, phường Bình Thới, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	Tầng 5.2, Tòa nhà Gia Thy, 158 - 158A Đào Duy Anh, Phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở	49,14%	49,14%	49,14%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bến Thành	25 Bàu Cát 2, Phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần SAHABAK	Khu công nghiệp Thanh Bình, xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	45,06%	45,06%	45,06%
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga ⁽ⁱ⁾	58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh tổ máy phát điện chạy bằng sức gió	41,00%	41,00%	41,00%
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, Khu công nghiệp Dầu Giây, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh sợi cao su	49,06%	49,06%	49,06%

⁽ⁱ⁾ Tổng công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo cam kết, tuy nhiên các thành viên góp vốn khác chưa góp đủ vốn điều lệ. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại thời điểm cuối năm là 68,33%.

5c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Thuốc lá Bến Thành	Lô 28, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Cơ khí CNS	Lô C26, Đường số 16, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy CNS Thạnh Phát	Lô C26, Đường số 16, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội	Lô 26, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng công ty có 749 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 758 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

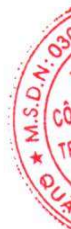
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng công ty chỉ có tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

371
ÔNG
IG NG
ACH N
MỘT
V 4.

315-C
TY
HỮU H
À TUV
C
HOC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ 24 tháng và được phân bổ 12 tháng một lần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ và số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4,00% – 10,00%	05 – 50
Máy móc và thiết bị	7,00% – 20,00%	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8,00% – 20,00%	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	15,00% – 33,00%	03 – 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ khấu hao 33%.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tổng công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tổng công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tổng công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng tối đa 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	419.880.236	670.817.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	817.662.962.625	1.551.078.796.783
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	-
Cộng	918.082.842.861	1.551.749.614.438

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	636.466.389.222	(39.178.678.457)	636.466.389.222	(45.922.574.874)
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	235.787.147.455	-	235.787.147.455	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung ⁽ⁱ⁾	153.490.265.276	-	153.490.265.276	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Thông tin TP. Hồ Chí Minh	112.500.000.000	(883.678.457)	112.500.000.000	(1.307.869.985)
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	62.100.436.491	-	62.100.436.491	(624.323.258)
Công ty TNHH CNS Amura Precision	38.295.000.000	(38.295.000.000)	38.295.000.000	(38.295.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị	34.293.540.000	-	34.293.540.000	(5.695.381.631)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	326.737.964.555	(286.149.755.265)	326.737.964.555	(288.322.759.506)
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SA DO	157.000.000.000	(157.000.000.000)	157.000.000.000	(157.000.000.000)
Công ty Cổ phần SAHABAK ⁽ⁱⁱ⁾	58.299.000.000	(58.299.000.000)	58.299.000.000	(58.299.000.000)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	44.995.370.370	(44.995.370.370)	44.995.370.370	(44.995.370.370)
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	30.700.000.000	-	30.700.000.000	(1.951.794.852)
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	19.193.594.185	(19.193.594.185)	19.193.594.185	(19.193.594.185)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bến Thành	14.500.000.000	(4.611.790.710)	14.500.000.000	(4.833.000.099)
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga ⁽ⁱⁱ⁾	2.050.000.000	(2.050.000.000)	2.050.000.000	(2.050.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	105.243.075.300	(8.498.488.214)	105.243.075.300	(7.572.286.883)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	28.491.075.300	-	28.491.075.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.752.000.000	-	19.752.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà	14.400.000.000	(8.282.976.574)	14.400.000.000	(6.934.412.285)
Công ty Cổ phần Cơ khí Sincor	2.600.000.000	(215.511.640)	2.600.000.000	(637.874.598)
Cộng	1.068.447.429.077	(333.826.921.936)	1.068.447.429.077	(341.817.621.263)

(i) Tổng công ty đang phối hợp với Chủ sở hữu về việc xử lý khoản chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách Tổng công ty với vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung và Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh theo Công văn số 53/CNS-HĐTV ngày 21 tháng 3 năm 2025.

(ii) Đã tạm ngưng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn đang làm thủ tục giải thể, Tổng công ty không xem xét trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do số vốn đầu tư của Tổng công ty được hoàn trả khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn giải thể bằng hình thức cản trừ khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh V.16).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Ngoài các công ty liên kết đã tạm ngưng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể, các công ty con và liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(341.817.621.263)	(340.113.761.746)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng bổ sung	7.990.699.327	(1.703.859.517)
Số cuối năm	(333.826.921.936)	(341.817.621.263)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bến Thành		
Bán thành phẩm	337.335.765.420	307.478.677.280
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất		
Lợi nhuận được chia	48.855.924.445	31.907.560.315

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung				
Lợi nhuận được chia		34.377.902.295		34.010.755.268
Mua hàng hóa dịch vụ		422.843.000		420.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Thông tin TP. Hồ Chí Minh				
Mua tài sản		37.800.000		-
Mua hàng hóa dịch vụ		318.792.078		330.684.000
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO				
Lãi cho vay		1.001.886.644		1.032.573.237
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
T-Tech International Limited		73.732.407.260		52.163.944.372
Các khách hàng khác		996.528.768		1.193.713.608
Cộng		74.728.936.028		53.357.657.980
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thanh Mỹ		498.254.799		498.254.799
Công ty Cổ phần Kiến trúc PI		377.818.800		377.818.800
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT		310.000.000		310.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu Thời trang Quốc tế		-		600.987.800
Công ty TNHH Kiểm toán ITO		-		414.832.000
Các nhà cung cấp khác		1.387.653.650		1.092.866.889
Cộng		2.573.727.249		3.294.760.288
5. Phải thu khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
		<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>
				<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung – Lợi nhuận được chia		425.411.315.634	-	457.110.384.493
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất – Lợi nhuận được chia		34.282.778.401	-	33.915.631.374
Công ty TNHH CNS Amura Precision ⁽ⁱ⁾		28.648.761.246	-	60.271.931.884
Công ty TNHH CNS Amura Precision ⁽ⁱ⁾		275.316.440.699	-	271.964.318.651
Giá trị tài sản bàn giao		256.365.817.092	-	256.365.817.092
Khấu hao TSCĐ cho thuê hoạt động tạm bàn giao, chưa ký hợp đồng thuê		13.408.488.192	-	10.056.366.144
Các khoản khác		5.542.135.415	-	5.542.135.415
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương ⁽ⁱⁱ⁾		60.000.000.000	-	64.297.053.940
Tiền góp vốn hợp tác		60.000.000.000	-	60.000.000.000
Phải thu khác		-	-	4.297.053.940
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO		19.220.126.955	-	18.718.240.311

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cho mượn vốn	11.890.120.230	-	12.390.120.230	-
Lãi cho mượn vốn	6.585.534.432	-	5.583.647.788	-
Phải thu khác	744.472.293	-	744.472.293	-
Công ty Cổ phần SAHABAK – Cho mượn vốn	7.943.208.333	-	7.943.208.333	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	296.114.883.659	-	249.859.618.949	-
Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ British – American Tobacco Marketing (Singapore) Private Limited – Khoản thu bình ôn tỷ giá, thuế nhà thầu, chiết khấu thương mại và một số khoản khác	181.497.176.726	-	181.497.176.726	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC – Cho mượn vốn	571.250.000	-	571.250.000	-
Thuế GTGT chờ xử lý ^(iv)	14.862.684.168	-	14.862.684.168	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	9.034.246.575	-	-	-
Tạm ứng	1.169.889.027	-	3.487.733.102	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	92.000.000	-	52.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.216.193.785	-	10.790.267.799	-
Cộng	721.526.199.293	-	706.970.003.442	-

- (i) Dự án Thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí chính xác cao do Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV làm chủ đầu tư theo chủ trương được Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh thông qua theo Quyết định số 5831/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010.

Căn cứ Công văn số 826/VP-CNN ngày 14 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc các dự án đầu tư của Công ty. Theo đó, chấp thuận cho Công ty thành lập Công ty TNHH CNS Amura Precision ("CAP") để thực hiện dự án. Ngày 02 tháng 5 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với hai đối tác để thành lập Công ty TNHH CNS Amura Precision theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413022000060 do ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 9 năm 2020 chứng nhận thay đổi lần 01 ngày 04 tháng 12 năm 2014.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CAP-HĐTV ngày 12 tháng 7 năm 2016, Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt các nội dung như sau:

- Đồng ý cho Công ty trực tiếp đứng ra đầu tư xây dựng Nhà xưởng cho CAP với tư cách là chủ đầu tư của dự án này. Sau khi hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao lại Nhà xưởng cho CAP;
- Đồng ý xóa toàn bộ giá trị đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng Nhà xưởng... của Công ty vào CAP, CAP sẽ hoàn trả lại cho Công ty theo kế hoạch hoàn vốn hoặc chuyển thành vốn góp thêm của Công ty vào CAP tùy theo tình hình thực tế.

Theo đó, dự án được Công ty đầu tư và theo dõi trên khoản mục Các khoản phải thu khác, sau khi nghiệm thu hoàn thành sẽ lập Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tổng hợp tài sản hình thành từ đầu tư dự án cho đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH CNS Amura Precision. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, tổng chi phí đầu tư dự án đã bàn giao cho Công ty TNHH CNS Amura Precision được ghi nhận một khoản phải thu với giá trị 275.316.440.699 VND. Các khoản mục này sẽ được xử lý sau khi Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt hình thức chuyển giao chi phí đầu tư của dự án.

- (ii) Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương – Hợp tác kinh doanh, chi tiết như sau:
Tổng công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/CNS-CNS LAND ngày 01 tháng 02 năm 2010 và các phụ lục với Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương ("CNS Land") để hợp tác đầu tư xây dựng Tòa nhà thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại 131 Lê Lợi, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với các nội dung chi tiết như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương;
- Vốn đầu tư của dự án dự kiến khoảng 500 tỷ VND, bao gồm vốn chủ sở hữu 100 tỷ VND, vốn vay 150 tỷ VND và vốn huy động từ khách hàng là 250 tỷ VND. Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu của dự án, Tổng công ty góp 60% tương ứng 60 tỷ VND và CNS Land góp 40% tương ứng 40 tỷ VND;
- Lợi nhuận sau thuế của dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Lợi nhuận sẽ được thanh toán cho các bên trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Ban điều hành dự án đã chấp nhận và ký phê duyệt các báo cáo tài chính năm. Trường hợp lỗ thì sẽ phân chia trách nhiệm cho các bên theo tỷ lệ góp vốn.

Năm 2023 và năm 2024, Tổng công ty chưa ghi nhận kết quả kinh doanh của dự án theo báo cáo tài chính của CNS Land tương ứng với tỷ lệ phân chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh do CNS Land chưa thực hiện quyết toán dự án.

- (iii) Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh - Thông tin về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chi tiết như sau:

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 470/2018/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Qua đó, Công ty liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư DDA số tiền nợ gốc là 54.945.465.052 VND và tiền lãi đến ngày 25 tháng 01 năm 2018 là 71.703.831.892 VND. Tổng công ty chưa đồng ý với kết luận của bản án và đang làm hồ sơ Giám đốc thẩm. Trong năm 2023, Tổng công ty đã bị khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án với số tiền 181.497.176.726 VND.

- (iv) Khoản thuế GTGT đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị điều chuyên cho Công ty TNHH CNS Amura Precision (CAP) và đối với hoạt động cho CAP thuê tài sản cố định theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV số 876/TB-KV IV ngày 31 tháng 12 năm 2019.

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản đặt cọc dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Các bên liên quan		27.163.335.288		30.958.502.584	2.494.777.907
Công ty Cổ phần SAHABAK – Cho mượn vốn	Trên 03 năm	7.943.208.333	-	Trên 03 năm	7.943.208.333
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SA DO	Trên 03 năm	11.890.120.230	-	Trên 03 năm	12.390.120.230
Cho mượn vốn	Trên 03 năm	6.585.534.432	1.687.883.307	Trên 03 năm	5.583.647.788
Lãi vay	Trên 03 năm	744.472.293	744.472.293	Trên 03 năm	744.472.293
Chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	Trên 03 năm			Trên 03 năm	
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Dương – Khoản thu giá trị công trình xây dựng trên đất tại 131 Lê Lợi			Trên 03 năm	4.297.053.940	-
Các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	3.317.431.973	-	Trên 03 năm	3.317.431.973
Cộng		30.480.767.261	2.432.355.600	34.275.934.557	2.494.777.907

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(31.781.156.650)	(30.450.065.110)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	3.732.744.989	(1.331.091.540)
Số cuối năm	<u>(28.048.411.661)</u>	<u>(31.781.156.650)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.007.315.848.899	-	968.939.262.828	-
Công cụ, dụng cụ	107.306.305	-	124.684.333	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.078.504.706	-	3.763.744.374	-
Thành phẩm	71.469.102.005	-	100.096.065.732	-
Cộng	<u>1.083.970.761.915</u>	<u>-</u>	<u>1.072.923.757.267</u>	<u>-</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	358.207.364	444.064.608
Chi phí duy tu	138.340.002	133.659.900
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	266.840.077	1.783.737.227
Cộng	<u>763.387.443</u>	<u>2.361.461.735</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	73.219.221.585	76.419.263.133
Chi phí sử dụng đất phi nông nghiệp	80.442.544	120.663.816
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.610.719.707	4.319.723.113
Cộng	<u>78.910.383.836</u>	<u>80.859.650.062</u>

(i) Chi phí thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê với nội dung chi tiết như sau:

- Thuê đất tại số D11/II-D18/II đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 42.295 m², thời hạn thuê đất là 45 năm đến ngày 02 tháng 7 năm 2047.
- Thuê đất tại lô số 26 và 28, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với diện tích là 16.500 m² và 11.203,5 m², thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 6 năm 2047.
- Thuê đất tại lô 26, khu C, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 20.000 m², thời hạn thuê đất đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	491.808.008.365	643.454.877.695	24.249.858.737	34.537.170.755	1.194.049.915.552
Mua trong năm	414.034.538	90.000.000	-	185.340.000	689.374.538
Đầu tư XDCB hoàn thành	842.797.848	-	-	276.907.991	1.119.705.839
Thanh lý	-	(763.105.907)	-	(32.991.050)	(796.096.957)
Số cuối năm	493.064.840.751	642.781.771.788	24.249.858.737	34.966.427.696	1.195.062.898.972
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.462.314.421	514.231.610.857	23.629.858.737	32.436.090.831	574.759.874.846
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	207.974.817.253	600.876.631.618	23.890.846.102	32.653.744.482	865.396.039.455
Khấu hao trong năm	22.163.131.305	14.927.051.638	102.745.983	735.204.136	37.928.133.062
Thanh lý	-	(763.105.907)	-	(32.991.050)	(796.096.957)
Số cuối năm	230.137.948.558	615.040.577.349	23.993.592.085	33.355.957.568	902.528.075.560
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	283.833.191.112	42.578.246.077	359.012.635	1.883.426.273	328.653.876.097
Số cuối năm	262.926.892.193	27.741.194.439	256.266.652	1.610.470.128	292.534.823.412
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	308.748.728	6.808.816.323	7.117.565.051
Số cuối năm	308.748.728	6.808.816.323	7.117.565.051
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.938.816.323	5.938.816.323
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.174.973	6.441.241.323	6.447.416.296
Khấu hao trong năm	-	287.100.000	287.100.000
Số cuối năm	6.174.973	6.728.341.323	6.734.516.296
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	302.573.755	367.575.000	670.148.755
Số cuối năm	302.573.755	80.475.000	383.048.755
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định					
Phần mềm ERP ⁽ⁱ⁾	1.232.040.759	-	-	-	1.232.040.759
Hệ thống phần mềm lượng ⁽ⁱ⁾	383.780.000	-	-	-	383.780.000
Xây dựng cơ bản dở dang	189.559.020.145	22.401.051.675	(1.119.705.839)	(2.665.220.087)	208.175.145.894
Công trình 322-323-324 Bến Chương Dương Quận 1 ⁽ⁱⁱ⁾	33.232.811.596	-	-	-	33.232.811.596
Dự án nhà máy Điện gió Công Hải – Giai đoạn 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	126.018.446.050	18.607.499.999	-	-	144.625.946.049
Nhà máy Chíp điện từ (vi mạch) ⁽ⁱ⁾	11.385.849.840	-	-	-	11.385.849.840
Các dự án khác ⁽ⁱ⁾	18.921.912.659	3.793.551.676	(1.119.705.839)	(2.665.220.087)	18.930.538.409
Cộng	191.174.840.904	22.401.051.675	(1.119.705.839)	(2.665.220.087)	209.790.966.653

(i) Các dự án không tiếp tục đầu tư với tổng giá trị lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31.923.583.258 VND. Tổng công ty đang đợi hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc quyết toán vốn các Dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công. Bộ Tài chính đã có Dự thảo và đang lấy góp ý của các bên liên quan. Do đó chi phí đầu tư của các dự án này sẽ được xử lý sau khi có quyết định của các cấp có thẩm quyền.

(ii) Công trình 322-323-324 Bến Chương Dương Q1: Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV làm chủ đầu tư dự án xây dựng Cao ốc Văn phòng hiện đại tại số 522 Võ Văn Kiệt (trước đây là 322-323-324 Bến Chương Dương), phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với tổng số vốn đầu tư là 71,27 tỷ VND (đã bao gồm thuế), quy mô 324,8 m². Dự án đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai.

(iii) Dự án Nhà máy điện gió Công Hải - Giai đoạn 1 với Công ty TNHH Công nghệ mới Việt – Nga, chi tiết như sau:
Đầu tư sản xuất thử nghiệm Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hệ 2 cánh đồng trục và lắp đặt, vận hành thử nghiệm xác định các thông số kỹ thuật nhất là hiệu suất để đánh giá công nghệ so với công nghệ một cánh hiện đại tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Khi kết quả thử nghiệm thành công, sẽ chuyển nhượng Tổ máy phát điện để sản xuất kinh doanh điện và sẽ tiếp nhận công nghệ để tổ chức sản xuất các tuabin tại TP. Hồ Chí Minh. Quy mô 03 tổ máy phát điện công suất 3MW (mỗi tổ máy phát điện 1MW) với tổng vốn đầu tư là 270.315.600.273 VND. Dự án đang trong quá trình xây dựng. Tổng công ty đã gia hạn bản giao, lần gần nhất là ngày 08 tháng 3 năm 2024 xin gia hạn thêm đến trước ngày 30 tháng 5 năm 2025.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
T-Tech International Limited	152.578.426.332	76.205.559.283
Công ty Liên doanh thuốc lá BAT – Vinataba	129.616.907.518	202.649.032.106
British – American Tobacco Marketing (Singapore) Private Limited	58.619.986.476	32.871.216.178
Các nhà cung cấp khác	44.005.420.598	58.994.690.826
Cộng	384.820.740.924	370.720.498.393

Tổng công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	27.377.123.138	-	418.966.226.186	(377.217.884.104)	69.125.465.220	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	90.939.409.852	(90.939.409.852)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	251.019.608.360	-	2.819.923.647.918	(2.629.665.828.516)	441.277.427.762	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	101.019.234	24.080.871.628	(23.997.335.722)	-	17.483.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.451.297.525	-	72.700.785.824	(91.892.808.399)	55.259.274.950	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.676.519.516	9.954.480.584	(12.161.309.921)	-	8.883.348.853
Tiền thuê đất	20.427.193	-	901.532.299	(876.801.492)	45.158.000	-
Các loại thuế khác	33.734.257.529	-	10.306.755.277	(42.769.557.114)	1.271.455.692	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ⁽ⁱ⁾	179.085.193.368	-	583.962.788.712	(598.342.860.961)	164.705.121.119	-
Cộng	565.687.907.113	6.777.538.750	4.031.736.498.280	(3.867.863.796.081)	731.683.902.743	8.900.832.181

(i) Khoản lợi nhuận còn lại nộp lên chủ sở hữu.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Trong năm, Tổng công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa và dịch vụ theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tổng công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá với thuế suất 75%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	445.770.483.073	504.032.335.852
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.774.608.585	36.700.406.016
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	449.545.091.658	540.732.741.868
Thu nhập được miễn thuế	(86.041.162.540)	(69.068.288.083)
Thu nhập tính thuế	363.503.929.118	471.664.453.785
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	72.700.785.824	94.332.890.757

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	172.245.414.304	34.788.130.996	10.530.000	(663.660.000)	206.380.415.300
Quỹ phúc lợi	24.494.979.021	13.393.000.000	9.000.000	(10.379.959.948)	27.517.019.073
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.855.649.593	891.628.178	-	-	7.747.277.771
Cộng	203.596.042.918	49.072.759.174	19.530.000	(11.043.619.948)	241.644.712.144

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	293.344.002.400	242.519.390.297
Trích lập quỹ	15.738.563.441	51.042.839.506
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	(94.814.000)	(218.227.403)
Số cuối năm	308.987.751.841	293.344.002.400

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.608.462.000.000	362.782.198.221	-	8.008.627	2.971.252.206.848
Lợi nhuận trong năm	-	-	409.699.445.095	-	409.699.445.095
Trích lập quỹ đầu tư phát triển ⁽ⁱ⁾	-	120.268.859.880	(120.268.859.880)	-	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(54.171.238.570)	-	(54.171.238.570)
Nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước	-	-	(235.259.346.645)	-	(235.259.346.645)
Số dư cuối năm trước	2.608.462.000.000	483.051.058.101	-	8.008.627	3.091.521.066.728
Số dư đầu năm nay	2.608.462.000.000	483.051.058.101	-	8.008.627	3.091.521.066.728
Lợi nhuận trong năm	-	-	373.069.697.249	-	373.069.697.249
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	111.920.909.175	(111.920.909.175)	-	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(49.072.759.174)	-	(49.072.759.174)
Nộp về ngân sách nhà nước	-	(362.782.198.221)	(212.076.028.900)	-	(574.858.227.121)
Số dư cuối năm nay	2.608.462.000.000	232.189.769.055	-	8.008.627	2.840.659.777.682

(i) Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 55/TB-KVIV ngày 11 tháng 11 năm 2024, Kiểm toán nhà nước xác định Tổng công ty nộp chênh lệch vốn chủ sở hữu cao hơn vốn điều lệ vào Ngân sách nhà nước năm 2023 với số tiền 120.268.859.831 VND. Tuy nhiên Tổng công ty chưa nhận được thông báo từ Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc nộp khoản chênh lệch này, do đó trong năm 2024 Tổng công ty chưa thực hiện nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 120.268.859.831 VND và chưa thực hiện các điều chỉnh liên quan đến các chỉ tiêu tài chính trên Báo cáo tài chính.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.608.462.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên như sau:

	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 111.920.909.175
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 49.072.759.174
• Phải nộp về ngân sách Nhà nước	: 212.076.028.900

20. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí được cấp từ Sở Khoa học Công nghệ để làm dự án sản xuất thử nghiệm tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cánh đồng trục.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	685.405,48	853.090,46
Euro (EUR)	5.584,35	5.584,35
Yên Nhật (¥)	8.000,00	8.000,00
Dollar Hồng Kông (HKD)	7.586,20	7.586,20
Bảng Anh (£)	2.000,00	2.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.252.703.845.057	4.058.406.754.250
Doanh thu khác	51.706.810.763	46.380.047.025
Cộng	4.304.410.655.820	4.104.786.801.275

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tổng công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	3.687.886.269.984	3.364.412.916.076
Giá vốn khác	21.486.633.071	21.817.380.743
Cộng	3.709.372.903.055	3.386.230.296.819

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.776.018.236	20.390.006.499
Lãi cho vay	1.001.886.644	1.032.573.237
Cổ tức, lợi nhuận được chia	86.041.162.540	69.068.288.083
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.495.290.850	2.783.905.453
Cộng	103.314.358.270	93.274.773.272

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.734.650.044	8.796.944.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.789.955.435	1.348.872.346
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(7.990.699.327)	1.703.859.517
Cộng	<u>5.533.906.152</u>	<u>11.849.676.688</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý	2.882.371.766	4.734.765.905
Chi phí nhân viên quản lý	83.983.697.729	94.493.341.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.432.502.888	5.123.257.084
Thuế, phí và lệ phí	2.685.000.401	12.787.899.894
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(3.732.744.989)	1.331.091.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.293.281.082	10.328.574.499
Chi phí phòng chống tác hại thuốc lá	75.197.963.952	72.268.154.750
Trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ	15.738.563.441	51.042.839.506
Chi phí hỗ trợ xử lý chất thải	32.975.745.120	31.692.355.440
Chi phí bằng tiền khác	17.805.330.045	44.277.554.296
Cộng	<u>245.261.711.435</u>	<u>328.079.834.772</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ hỗ trợ chi phí sản xuất	-	2.320.300.000
Thu nhập từ thu hồi phí tiêu hủy lô thuốc lá	-	30.424.920.955
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	688.000.000
Thu nhập khác	57.931.479	585.056.678
Cộng	<u>57.931.479</u>	<u>34.018.277.633</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.387.377.871.912	2.964.993.055.833
Chi phí nhân công	230.158.216.129	251.285.611.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.215.233.062	40.396.402.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.535.719.978	244.628.436.026
Chi phí khác	38.501.175.222	113.619.774.647
Cộng	<u>3.981.788.216.303</u>	<u>3.614.923.280.939</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng với tổng tiền lương và thưởng trong năm là 8.330.832.767 VND (năm trước là 6.052.401.108 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh	Chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH CNS Amura Precision	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Thông tin TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SAHABAK	Công ty liên kết
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt – Nga	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng công ty còn phát sinh các giao dịch nộp lợi nhuận và Quỹ đầu tư phát triển về Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 574.858.227.121 VND (năm trước là 235.259.346.645 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V5a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Số liệu so sánh

Các sai sót

Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm trước theo Thông báo của Kiểm toán Nhà nước số 55/TB-KVIV ngày 11 tháng 11 năm 2024 và thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do sai sót. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	673.454.913.611	33.515.089.831	706.970.003.442
Tài sản cố định hữu hình	221	317.264.025.547	11.389.850.550	328.653.876.097
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(876.785.890.005)	11.389.850.550	(865.396.039.455)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	520.782.966.732	44.904.940.381	565.687.907.113
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Giá vốn hàng bán	11	3.397.446.266.859	(11.215.970.040)	3.386.230.296.819
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	328.122.889.875	(43.055.103)	328.079.834.772
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	91.877.111.110	2.455.779.647	94.332.890.757
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.487.695.181.271	(2.598.639.704.463)	3.889.055.476.808
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.044.996.447.878)	(60.591.531.876)	(3.105.587.979.754)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(204.396.575.455)	(53.679.870.810)	(258.076.446.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	909.301.093.683	1.788.227.071.213	2.697.528.164.896
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.019.740.707.257)	1.021.136.956.589	(2.998.603.750.668)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.654.351.566)	2.690.546.581	(5.963.804.985)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	654.800.000	33.200.000	688.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.665.113.474	(423.063.621)	80.242.049.853
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(98.753.603.613)	(98.753.603.613)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

38
GT
SÀI
HỮU
H VIỆ
Ồ C

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các thông tin khác

Năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến việc thành lập và giải thể Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Hoa Mai (là công ty được thành lập theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/2015/HĐHTĐT ngày 06 tháng 11 năm 2015, giữa Tổng công ty và Tập đoàn Vingroup, sau đây gọi tắt là "Công ty Hoa Mai"), bao gồm việc góp vốn và thu hồi toàn bộ vốn góp vào Công ty Hoa Mai. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, các thủ tục giải thể Công ty Hoa Mai chưa hoàn tất, vì thế về mặt hình thức pháp lý Tổng công ty vẫn là thành viên góp vốn của Công ty. Tổng công ty cân phối hợp với Công ty Hoa Mai để hoàn tất các thủ tục giải thể, tránh các ảnh hưởng pháp lý (nếu có) do chưa hoàn tất việc giải thể này.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Phạm Phương Nam
Người lập



Phạm Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Đông
Tổng Giám đốc

